

GIẢI SBT TIẾNG ANH LỚP 4 THEO TỪNG UNIT**UNIT 3: WHAT DAY IS IT TODAY?**

Unit 3. What day is it today? trang 12 Sách bài tập (SBT) Tiếng Anh 4 mới

Unit 3. What day is it today? - Bài 3. Hôm nay là ngày gì?

A. Phonics - Phát âm trang 12 SBT tiếng Anh 4 Unit 3

1) Complete and say the words aloud. Hoàn thành và đọc to những từ sau.

Đáp án

1. Thursday
2. birthday
3. third
4. her bag

2) Circle, complete and say the sentences aloud. Khoanh tròn, hoàn thành và đọc to những từ sau.

Đáp án

1. a

Mai: Hôm nay là ngày gì hả Nam?

Nam: Hôm nay là thứ năm.

2. b

Quân: Hôm nay là ngày thứ 3 của tháng 10. Hôm nay là sinh nhật tớ.

Nam: Chúc mừng sinh nhật cậu.

3. a

Hoa: Linda đang làm gì vậy?

Mai: Cô ấy đang chơi với chó của cô ấy.

B. Vocabulary - Từ vựng trang 12-13 SBT tiếng Anh 4 Unit 3

1) Complete the days in Hoa's timetable. Hoàn thành những ngày trong thời gian biểu của Hoa.

Đáp án

Tuesday Wednesday Thursday Friday Saturday Sunday

Thứ 3 Thứ 4 Thứ 5 Thứ 6 Thứ 7 Chủ nhật

2) Complete Quan's diary. Hoàn thành nhật ký của Quan.

Đáp án

1. Wednesday (thứ 4)

2. third (thứ 3)

3. October (tháng 10)

C. Sentence patterns - Thành phần câu trang 13 SBT tiếng Anh 4 Unit 3**1) Read and match. Đọc và nối****Đáp án**

1. b

Hôm nay là ngày gì? Hôm nay là thứ 6.

2. a

Hôm nay là ngày đầu tiên của tháng năm phải không? Không, hôm nay là ngày thứ 2 của tháng 5.

3. d

Bạn làm gì vào những ngày chủ nhật? Tớ chơi đá bóng vào buổi sáng và thăm ông bà vào buổi chiều.

4. c

Bạn có đi học vào cuối tuần không? Tớ không.

2) Read and complete. Then read aloud. Đọc và hoàn thành. Sau đó đọc to.**Đáp án**

1. Thursday

2. English

Nam: Hôm nay là ngày gì hả Mai?

Mai: Hôm nay là thứ tư.

Nam: Vậy hôm nay chúng ta học Tiếng Anh trên lớp tiết đầu đúng không?

Mai: Đúng rồi.

3. What

4. afternoon

Quân: Cậu làm gì vào những ngày thứ 6 hả Nam?

Nam: Vào buổi sáng tớ đi học. vào buổi chiều tớ chơi bóng đá với bạn.

Quân: Tớ cũng thích bóng đá.

5. weekend

Hakim: Cậu có đi học vào cuối tuần không Mai?

Mai: Tớ không

Hakim: Cậu làm gì?

Mai: Vào thứ 7 tớ giúp bố mẹ ở nhà. Vào chủ nhật tớ thăm ông bà.

D. Speaking - Nói trang 14 SBT tiếng Anh 4 Unit 3

1) Read and reply. Đọc và đáp lại.

1. Hôm nay là ngày gì?

2. Cậu có tiết tiếng anh hôm nay không?

3. Cậu học tiết Tiếng Anh khi nào?

4. Hôm nay là sinh nhật cậu à?

2) Ask and answer the questions above. Hỏi và trả lời những câu hỏi trên.

E. Reading - Đọc trang 14 SBT tiếng Anh 4 Unit 3

1) Read and complete. Đọc và hoàn thành

Đáp án

Mai's activities

	Monday	Tuesday	Wednesday	Thursday	Friday	Saturday	Sunday
Morning	Go to school	Go to school	Go to school	Go to school	Go to school	Help	Visit grandparents
Afternoon	Go to the English club	Go swimming	Go to the English club	Go swimming	Go to the English club	Go to the parents home	

Hướng dẫn dịch

Xin chào. Tôi là Mai. Tôi đi đến trường các buổi sáng từ thứ 2 đến thứ 6. Vào các chiều thứ 2, 4 và 6 tôi đến câu lạc bộ Tiếng Anh. Vào chiều thứ 3, 5 tôi đi bơi. Tôi không đi học vào cuối tuần. Vào các thứ 7, tôi giúp bố mẹ ở nhà. Vào chủ nhật, tôi thăm ông bà với bố mẹ.

2) Report what Mai does every day. Báo cáo những gì Mai làm hôm nay.

Example: Mai goes to school every morning from Monday to Friday. On Monday, Wednesday and Friday afternoons,...

Ví dụ: Mai đi học các sáng từ thứ 2 đến thứ 6. Vào các chiều thứ 2, 4 và 6...

F. Writing trang 15 SBT tiếng Anh 4 Unit 3

1) Look and write. Use the information from Activity E1. Nhìn và viết. Sử dụng những thông tin từ hoạt động E1.

1. It's ____ Monday today. I go to school in the morning. I go to the English Club in the afternoon.

Hôm nay là thứ 2. Tôi đi học vào buổi sáng. Tôi đi đến câu lạc bộ Tiếng Anh vào buổi chiều.

Đáp án

2. Tuesday, go to school in the morning. I go swimming in the afternoon.

Hôm nay là thứ 3. Tôi đi học vào buổi sáng. Tôi đi bơi vào buổi chiều.

3. Saturday, help my parents at home.

Hôm nay là thứ 7. Tôi giúp bố mẹ ở nhà.

4. Sunday, visit my grandparents with my parents.

Hôm nay là thứ chủ nhật. Tôi đi thăm ông bà với bố mẹ.

2) Interview two friends about what they do at the weekend. Complete the table.

Phỏng vấn 2 bạn hỏi về họ làm gì vào cuối tuần. Hoàn thành bảng sau.

3) Write the results of your interviews. Viết kết quả của cuộc phỏng vấn.

Example:

On Saturday, Nam goes swimming. On Sunday, he watches TV.

Ví dụ: Vào thứ 7, Nam đi bơi. Vào chủ nhật anh ấy xem TV.

Mời bạn đọc tham khảo thêm tài liệu Tiếng Anh **lớp 4** tại đây:

Bài tập Tiếng Anh lớp 4 theo từng Unit: <https://vndoc.com/tieng-anh-lop-4>

Bài tập Tiếng Anh lớp 4 nâng cao:

<https://vndoc.com/tieng-anh-cho-hoc-sinh-tieu-hoc-7-11-tuoi>

Bài tập trắc nghiệm Tiếng Anh lớp 4 trực tuyến: <https://vndoc.com/test/tieng-anh-lop-4>

